TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 761/2019/HC-PT
Ngày 23 tháng 10 năm 2019
"V/v: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thành Văn

Các Thẩm phán: Ông Phan Văn Yên

Ông Vũ Ngọc Huynh

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Đức Anh - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tiến hành xét xử phúc thẩm vụ án hành chính đã thụ lý số 704/2018/TLPT-HC ngày 06 tháng 12 năm 2018 về việc: "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai* ".

Do có kháng cáo của người khởi kiện đối với bản án hành chính sơ thẩm số 40/2018/HC - ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang;

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 2257/2019/QĐXX-PT ngày 24 tháng 9 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Người khởi kiện:

- Ông Nhan Đồng M, sinh năm 1945. (vắng mặt)

- Bà Trần Thị Ng, sinh năm 1960. (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 6, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang. (ông M ủy quyền cho bà Ng)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện: Luật sư Huỳnh Hồng D – Đoàn luật sư tỉnh An Giang (có mặt)

2/ Người bị kiện: Chủ tịch Uỷ ban nhân dân huyện P2, tỉnh An Giang. (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trần Quang Nh và ông Võ Trung C. (có mặt)

Cùng địa chỉ: Đường H, ấp T, TT P3, huyện P2, tỉnh An Giang.

3/ Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L. (có mặt)

Cùng địa chỉ: tổ 6, ấp P, xã P1, huyện P2, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Người khởi kiện trình bày: Ông Nhan Đồng M được Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03998/QSDĐ/pC ngày 24/2/2003 diện tích 14.189,60m^2 tọa lạc tại ấp P, xã P1. (Theo bản đồ số 12 thửa 115 diện tích 8.764,2m^2 loại đất thổ cư và LNK; Bản đồ số 19 thửa 16 diện tích 5.425,4m^2 loại đất thổ cư và LNK.

Do làm ăn thua lỗ ông M đã sang nhượng đất cho những người cụ thể như sau:

1. Ngày 28/12/2007 sang nhượng cho bà Đỗ Thu Tr, diện tích 3.476m^2, có ghi tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên còn 10.713m^2.

2. Ngày 26/3/2008 sang nhượng cho ông Nguyễn Văn D, diện tích 2.516,4m^2, có ghi tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên còn 8.196,6m^2.

3. Ngày 20/8/2008 có điều chỉnh giảm 25,9m^2 nên còn 8.170,7m^2. Sang nhượng cho ông Nguyễn Văn D, diện tích 2.516,4m^2, có ghi tại trang 4 của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nên còn 8.196,6m^2.

4. Ngày 22/9/2009 sang nhượng cho bà Ngô Cẩm Th diện tích 21 l,4m^2, nên còn 7.959,3m^2.

5. Ngày 26/11/2009 sang nhượng cho ông Lê Minh Ph diện tích 248,8m^2, nên còn 7.710,5m^2.

6. Ngày 08/4/2010 sang nhượng cho ông Huỳnh Văn B diện tích 310,2m^2 và sang nhượng cho Phạm Hữu D1 22,8m^2 nên còn 7.377,5m^2.

7. Ngày 15/10/2010 sang nhượng cho ông Lê Văn M diện tích 142,2m^2 nên còn 7.235,3m^2.

Tất cả những lần sang nhượng và điều chỉnh số liệu đều thông qua Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất thuộc Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện P2 và từ đó đến nay không sang nhượng cho ai khác.

Nhưng tại Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P2 cho rằng diện tích 962,6m^2 đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH05397 ngày 14/11/2014 cho ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L có nguồn gốc tách từ thửa 115 diện tích 8.764,2m^2 và thửa 16 diện tích 5.425,4m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03998/QSDĐ/pC ngày 24/2/2003 cấp cho ông Nhan Đồng M là vô lý, vì ông M không sang nhượng cho ông Bùi Văn D và

bà Phạm Thị Kim L.

UBND huyện P2 cũng tự lý giải còn 7.235,3m^2 đất của ông đã sang nhượng, cấp đổi, điều chỉnh biến động nên diện tích chỉ còn 696,8m^2 thuộc thửa 115 theo giấy CNQSDĐ số CH1524PC ngày 19/4/2010 việc này ông M hoàn toàn không biết, nên yêu cầu hủy Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện P2.

Người bị kiện trình bày: Chủ tịch UBND huyện giữ nguyên ý kiến theo nội dung đã thể hiện tại Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện P2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nhan Đồng M. Việc giải quyết của Chủ tịch UBND huyện là đúng trình tự, thủ tục theo Luật khiếu nại ngày 11/11/2011, Nghị định số 75/2012/NĐ-CP ngày 30/10/2012 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật khiếu nại và Thông tư số 07/2013/TT-TTCP ngày 31/10/2013 của Thanh tra Chính phủ quy định giải quyết khiếu nại hành chính.

Phần đất diện tích 962,6m^2 đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH05397 ngày 14/11/2014 cho ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L mà ông Nhan Đồng M khiếu nại có nguồn gốc tách từ thửa 115 diện tích 8.764,2m^2 và thửa 16 diện tích 5.425,4m^2 thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03998/QSDĐ/pC ngày 24/2/2003 cấp cho ông Nhan Đồng M.

Ngày 28/12/2007, ông Nhan Đồng M, bà Trần Thị Ng lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho bà Đỗ Nguyễn Thu Tr, ông Trần Quế Th với diện tích 1.124,8m^2 tách từ thửa 115, tờ bản đồ số 12 và diện tích 2.351,3m^2 tách từ thửa 16, tờ bản đồ số 19 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 03998/QSDĐ/pC, hợp đồng được UBND xã P1 chứng thực cùng ngày. Ngày 28/12/2007 bà Tr, ông Th được UBND huyện P2 cấp giấy CNQSDĐ số H003pC diện tích 3.476,1m^2 (thửa mới số 219, diện tích 1.124,8m^2 và thửa mới số 220 diện tích 2351,3m^2 tờ bản đồ số 12).

Ngày 22/3/2008, ông Nhan Đồng M, bà Trần Thị Ng lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị M với diện tích 2.516,9m^2 từ giấy CNQSDĐ số 03998/QSDĐ/pC (được tách từ thửa 115 thành thửa 44 diện tích 1977,6m^2, tờ bản đồ số 12 và tách từ thửa số 16 thành thửa 43 diện tích 539,3m^2, tờ bản đồ số 19).

Tại biên bản làm việc ngày 28/5/2015 ông Phan Văn D trình bày: Ngày 14/9/2002 bà Trần Thị Ng (vợ ông M), có làm giấy tay chuyển nhượng QSDĐ cho bà Nguyễn Thị M (vợ ông D) diện tích 3.150m^2 và vợ chồng bà M sử dụng ổn định từ năm 2002 như đào ao nuôi cá, trồng cây ăn trái, nhưng khi ông M đo đạc chuyển nhượng cho bà Tr năm 2007 có sai lệch trụ đá ranh nên cấp nhầm diện tích 503m^2 của ông D đã mua sang bà Tr. Do đó ngày 20/8/2008, bà Tr đã làm thủ tục điều chỉnh giảm diện tích trên Giấy chứng nhận QSDĐ sang cho ông D (từ diện tích 2.516,9m^2 sang diện tích 3.019,9m^2 tăng 503m^2) của thửa số 226 diện tích 189,7m^2 và thửa 227 diện tích 313,3m^2. Trong phần diện tích tăng 503m^2 chuyển nhượng cho ông Bùi Văn D, bà Phạm Thị Kim L thửa số 226 diện tích 189,7m^2, thửa 227 diện tích 313,3m^2 chuyển nhượng cho Nguyễn Văn Th cất nhà

ở năm 2008.

Ngày 30/10/2014, ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị M tách thửa số 44 diện tích 1.977,6m^2 (của Giấy chứng nhận QSDĐ số H1075PC ngày 31/3/2008) thành thửa số 256 diện tích 684,1m^2, thửa số 66 diện tích 426,3m^2, thửa 68 diện tích 396,7m^2, thửa số 69 diện tích 111,7m^2, thửa số 70 diện tích 134m^2 và tách thửa 43 diện tích 539,3m^2 (của Giấy chứng nhận QSDĐ số H1075PC ngày 31/3/2008) thành thửa số 65 diện tích 88,8m^2, thửa số 67 diện tích 130,6m^2 và còn lại thửa số 43 diện tích 319,9m^2.

Ngày 31/10/2014, ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị M lập hợp đồng chuyển nhượng QSDĐ cho Bùi Văn D và Phạm Thị Kim L từ giấy chứng nhận QSDĐ số H1075PC ngày 31/3/2008 gồm: thửa số 256, diện tích 684,1m^2 và ngày 05/11/2014 chuyển nhượng thửa số 226 diện tích 189,7m^2, thửa số 65 diện tích 88,8m^2, hợp đồng được Phòng công chứng P2 công chứng.

Sau khi chuyển nhượng và điều chỉnh biến động thì diện tích đất của ông M, bà Ng còn lại 696,8m^2, thuộc thửa 115 loại đất ở nông thôn, cây lâu năm theo giấy CNQSDĐ số CH1524PC ngày 19/4/2010, đúng với hiện trạng thực tế sử dụng. Do đó UBND huyện P2 không đồng ý với khởi kiện của ông Nhan Đồng M, bà Trần Thị Ng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan: ông Bùi Văn D, bà Phạm Thị Kim L trình bày, thống nhất theo Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện P2 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nhan Đồng M và cho rằng đất ông bà chuyển nhượng từ ông D, bà M là hợp pháp ngay tình và đã sử dụng đất ổn định đến nay.

Tại bản án hành chính sơ thẩm số 40/2018/HC - ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang quyết định:

- Chấp yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M, bà Trần Thị Ng yêu cầu hủy Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện P2, tỉnh An Giang.
- Hủy Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của UBND huyện P2, tinh An Giang.

Án sơ thẩm còn tuyên án phí và quyền kháng cáo theo luật định.

Ngày 19/9/2019 Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2 kháng cáo toàn bộ án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2 có đơn xin xét xử vắng mặt được hiểu Chủ tịch Ủy ban nhân dan huyện P2 vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện luật sư Huỳnh Hồng D cho rằng việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện bác đơn khiếu nại của ông Nhan Đồng M là không đúng, không thể cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D, bà L diện tích đất nhiều hơn diện tích hợp đồng mua. Tòa sơ thẩm hủy quyết định giải quyết khiếu nại là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2, giữ y án sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trình bày: Về trình tự giải quyết khiếu nại, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện ban hành quyết định số 04 giải quyết khiếu nại là đúng quy định của pháp luật. Việc Ủy ban nhân dân huyện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông D bà L là căn cứ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị M với ông Bùi Văn D, bà Phạm Thị Kim L. Tòa sơ thẩm nhận định tại các mục 2.7; 2.9 để hủy quyết định giải quyết khiếu nại số 04 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện là không có căn cứ. Nhận định ở mục 2.10 không liên quan đến vụ án. Đề nghị Tòa phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2, sửa án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh: Năm 2007 và 2008 ông Nhan Đồng M lập hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Thu Tr và ông Phan Văn D. Bà Đỗ Thi Trang – ông Phan Văn Văn Dũng đã được Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc vợ chồng bà Đỗ Thu Tr và vợ chồng ông Phan Văn D hoán đổi diện tích cho nhau là quyền của người được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Nhan Đồng M cho rằng diện tích mà ông Bùi Văn D được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có một phần diện tích đất của ông mà trước đây ông không có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Phan Văn D nên khiếu nại là không có căn cứ. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện trong quyết định giải quyết khiếu nại có lập luận nên tôi không nêu lại, Viện kiểm sát cho rằng việc Chủ tịch ra quyết định bác đơn khiếu nại của ông Nhan Đồng M là đúng. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện P2, sửa án sơ thẩm theo hướng bác yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các chứng cứ có tại hồ sơ, lời khai của các bên đương sự tại phiên tòa phúc thẩm, quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử xét thấy việc Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng, hủy Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P2 là không có căn cứ bởi các lẽ sau:

[1] Trước hết khẳng định diện tích 962,9m^2 thửa số 226, 256 tờ bản đồ số 12 mà Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L có nguồn gốc là của ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị M chuyển nhượng cho ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L từ tháng 10/2014. Ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L không có quan hệ giao dịch, mua bán, chuyển nhượng gì với ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng. Việc ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng khiếu nại đề nghị hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L đúng ra Ủy ban nhân dân huyện P2 ban hành thông báo không giải quyết khiếu nại với lý do

người khiếu nại không có quyền khiếu nại (*theo khoản 2 Điều 11 Luật khiếu nại năm 2012*).

[2] Xét về quá trình chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho thấy:

Ngày 28/12/2007 ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho bà Đỗ Nguyễn Thu Tr và ông Trần Quế Th diện tích là 3.476,1m^2, hợp đồng được Ủy ban nhân dân xã P1 chứng thực. Bà Tr ông Th đã được Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.476,1m^2.

Ngày 22/3/2008, ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng làm hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất với diện tích 2.516,9m^2 cho ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị M, hợp đồng được chứng thực của chính quyền địa phương. Ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị M đã được Ủy ban nhân dân huyện P2 cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích là 2.516,9m^2.

Sau khi được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, phát hiện có sự sai lệch vị trí giáp ranh nên cấp nhầm diện tích 503m^2 đất của ông D đã mua sang cho bà Tr nên ngày 20/8/2008 bà Tr đã làm thủ tục điều chỉnh giảm diện tích trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất sang cho ông D (*từ diện tích 2.576,9m^2 tăng lên 30.019,9m^2 chênh lệch 503m^2*).

[3] Nếu có căn cứ cho rằng ông M, bà Ng chỉ chuyển nhượng cho ông Phan Văn D, bà Nguyễn Thị M 2.576,9m^2 nhưng hiện tại ông D, bà M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 3.019,9m^2 thì ông M bà Ng có quyền khiếu nại việc cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị M.

[4] Đối với ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất diện tích 962,6m^2 là trên cơ sở hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị M, bản thân ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L không có quan hệ chuyển nhượng đất với ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng, nên việc ông M, bà Ng khiếu nại yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã cấp cho ông Bùi Văn D và bà Phạm Thị Kim L là không có căn cứ, Ủy ban nhân dân huyện P2 ban hành Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 bác yêu cầu khiếu nại của ông Nhan Đồng M là có căn cứ.

Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M, hủy Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P2 là không có căn cứ. Việc đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao đề nghị chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện P2, sửa án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và các chứng cứ có tại hồ sơ nên chấp nhận.

[5] Do kháng cáo được chấp nhận cũng như sửa án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M nên Ủy ban nhân dân huyện P2 không phải chịu án phí sơ thẩm và án phí phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện P2 tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

Ông Nhan Đồng M yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận nên phải chịu án phí phúc thẩm.

[6] Tòa án cấp sơ thẩm không đưa vợ chồng ông Phan Văn D và bà Nguyễn Thị M tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là thiếu sót, cần nghiêm khắc rút kinh nghiệm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính.

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ủy ban nhân dân huyện P2. Sửa án sơ thẩm số 40/2018/HC - ST ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Toà án nhân dân tỉnh An Giang.

- Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 193k Điều 348 Luật tố tụng hành chính. Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

- Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nhan Đồng M và bà Trần Thị Ng về việc yêu cầu hủy Quyết định số 04/QĐ.UBND ngày 23/11/2015 của Ủy ban nhân dân huyện P2, tỉnh An Giang.

Về án phí:

- Ông Nhan Đồng M phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 200.000 đồng, ông M đã nộp 200.000 đồng (*theo biên lai thu số 0009467 ngày 02/11/2016 Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang*), ông M đã nộp xong.

- Ủy ban nhân dân huyện P2 không phải chịu án phí hành chính sơ thẩm và hành chính phúc thẩm. Hoàn trả lại cho Ủy ban nhân dân huyện P2 tiền tạm ứng án phí hành chính đã nộp (*theo biên lai thu số 0010531 ngày 27/9/2018 Cục thi hành án dân sự tỉnh An Giang*).

Các nội dung khác của quyết định sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tối cao;
- VKSNDCC tại TP Hồ Chí Minh;
- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tỉnh An Giang;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh An Giang;
- Người khởi kiện;
- Người bị kiện;
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Thành Văn